**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐƯA LÊN WEBSITE TRƯỜNG**

Họ tên giáo viên: Võ Thành Hơn

Môn dạy: Toán 8

Nội dung đưa lên Website: *(Tài liệu ôn tập – Khối:8)*

**GIẢI PHƯƠNG TRÌNH (TRỌNG TÂM HKII)**

**DẠNG 1: ĐƯA VỀ PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN**

**1) Các bước chủ yếu để giải phương trình đưa về dạng ax + b = 0**

* Bước 1: Quy đồng mẫu rồi khử mẫu hai vế
* Bước 2: Bỏ ngoặc bằng cách nhân đa thức; hoặc dùng quy tắc dấu ngoặc.
* Bước 3: Chuyển vế: Chuyển các hạng tử chứa ẩn qua vế trái; các hạng tử tự do qua vế phải. (Chú ý: *Khi chuyển vế hạng tử thì phải đổi dấu số hạng đó)*
* Bước 4: Thu gọn bằng cách cộng trừ các hạng tử đồng dạng
* Bước 5: Chia hai vế cho hệ số của ẩn

**2) Ví dụ minh họa:** Giải phương trình sau:

1) 



 Vậy tập nghiệm phương trình là S = {3}



Vậy tập nghiệm phương trình là: S = {}

1. **Bài tập làm thêm:** Giải các phương trình sau:

 a) 3x + 1 = 6x – 11 b) 2x + 4x + 12 = 0 c) 2x – 5 = 3 + 3x

 d) 2 – 3x = 5x + 7 e) 11 – 2x = x – 1 f) 15 – 28x = 9 – 5x

 g) 3x – 4 = 5x + 18 h) 12 + 4x = 6x - 14 i) 18 - 3x = 8x - 20

j)  k) 

l)  m) 

 n)  0)

 p)  r) 

 s)  t) 

**DẠNG 2: PHƯƠNG TRÌNH TÍCH**

**1) Kiến thức vận dụng và cách giải**

Phương trình tích có dạng: A(x)B(x)C(x)D(x) = 0. Trong đó A(x);B(x);C(x);D(x) là các nhân tử.

Cách giải: A(x).B(x)C(x).D(x) = 0 

**2) Ví dụ minh họa:** Giải phương trình sau:



Vậy tập nghiệm của phương trình là:

**3) Bài tập làm thêm:** Giải các phương trình sau: (có 1 số bài cần kiến thức HKI, đặt nhân tử chung hay tách đa thức để đưa về pt tích)

 a) (5x – 2)(6x + 5) = 0 b) (2x - 2) (x – 9) = 0

 c) (3x – 12)(24 + 6x) = 0 d) (53 + 2)(x – 6) = 0

 e) x (x+ 5)(3x – 3) = 0 f) (2x + 9)(x – 15)(5x + 2)= 0

 g) 3x – 15 = 2x(x – 5) h) (2x + 1)(3x – 2) = (5x – 8)(2x + 1)

 i) (x -4)(2x – 9) = (x -4)(x – 5) j) 2x(x – 1) = x2 - 1

 k) x2 + x –2 = 0 l) x2 – 5x + 6 = 0

 m) x2 – 4x + 1 = 0 n) x2 – 4x + 3 = 0